

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2025/HC-PT
Ngày: 03/9/2025
V/v: Khiếu kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý
Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Ngô Mạnh Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký viên Tòa Phúc
thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số 182/2025/TLPT-HC ngày 05/3/2025, về việc “Khiếu kiện quyết định
xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 28/5/2024 của
Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 614/2025/QĐXX-PT
ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1974; Địa chỉ thường trú:
P507 E, phường T, quận Đ (nay là phường P - T), thành phố Hà Nội; Địa chỉ cư
trú: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Đặc khu P, tỉnh An
Giang) (có mặt).

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban
nhân dân Đ, tỉnh An Giang; Địa chỉ: D Đường C, Đặc khu P, tỉnh An Giang
(vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Quốc T - Chức vụ: Phó Chủ
tịch (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2025, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND Đặc khu P (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Vườn Quốc gia P1; Địa chỉ: Ấp X, Đặc khu P, tỉnh An Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Ngọc L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Việt A đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc L trình bày:

Vào ngày 17/5/2021, ông L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Võ Minh T1 diện tích đất 216m² tọa lạc tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất này nằm trong diện tích 5.110m² do bà Thị T2 (Thị Tuyết P) khai khẩn vào năm 1994, sử dụng để xây nhà ở và trồng các loại cây như: Xoài, dừa, tre, tràm bông vàng; đào mương nuôi cá, sử dụng liên tục ổn định. Đến ngày 30/7/2004, bà T2 bị UBND huyện P ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UB thu hồi toàn bộ diện tích đất trên. Tuy nhiên, diện tích đất bà T2 vẫn quản lý, sử dụng đến ngày 17/5/2021 thì chuyển nhượng cho ông T1 diện tích 306m² và sau đó ông T1 chuyển nhượng lại một phần cho ông L với diện tích 216m².

Khoảng tháng 8/2021, ông L vào cất nhà với diện tích 121,8m², một nền xi măng diện tích 40m², một nền móng gạch 38m² trên đất. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4196/QĐ-XPHC ngày 31/7/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông L về hành vi chiếm đất rừng, buộc ông phải trả lại đất hiện trạng ban đầu và trả lại diện tích đất 205,8m² cho Vườn Quốc gia P1 (sau đây viết tắt là Quyết định số 4196).

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà T2 thì việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4196 đối với ông là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 4196.

Tại Văn bản số 78/UBND-NCPC ngày 12/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày như sau:

Yêu cầu trên của ông L là không đúng và không có cơ sở chấp nhận vì:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4196 là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2023, Công chức Địa chính UBND xã G đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất có diện tích 205,8m² do ông L chiếm đất nông nghiệp là loại đất rừng đặc dụng, tại khu vực nông thôn do Vườn Quốc gia P1 quản lý, có vị trí tọa độ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 337137 do UBND tỉnh K cấp cho Vườn Quốc gia P ngày 25/3/2022.

Ngày 03/7/2023, Công chức Địa chính UBND xã G lập Biên bản làm việc số 139/BB-LV (viết tắt là Biên bản số 139) đối với ông L, tại Biên bản này ông

L thừa nhận hành vi vi phạm và trình bày: “Thửa đất trên do tôi mua lại của ông Võ Minh T1 mua vào ngày 17/5/2021 (bằng giấy tay)... việc mua bán trên không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận...đến tháng 6/2021 thì ông tiến hành xây nhà ở thì bị lực lượng bảo vệ rừng Gành Dầu lập biên bản hiện trạng và nhắc nhở ông không nên xây dựng do đất nằm trong Vườn Quốc gia quản lý, việc xây dựng nhà và sử dụng thửa đất trên ông không xin phép cơ quan có thẩm quyền”.

Theo lời khai của ông L tại Biên bản làm việc số 139/BB-LV và có kèm theo giấy tay mua bán đất lập ngày 17/5/2021 và Quyết định thu hồi đất đối với bà T2, UBND xã G đã xác minh những người có liên quan và kiểm tra vị trí đất thu hồi sau thanh tra, qua kiểm tra xác định đất bà Phước có quyết định thu hồi là một vị trí khác.

Việc cung cấp giấy tay mua bán đất như đã nêu trên là không có cơ sở xem xét và trái với quy định pháp luật về đất đai, vì toàn bộ diện tích đất bị ông L chiếm đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho Vườn Quốc gia P sử dụng hợp pháp.

Từ vụ việc nêu trên, ngày 03/7/2023, công chức Địa chính xã G tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 140/BB-VPHC (viết tắt là Biên bản số 140) đối với ông L với hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp là loại đất rừng đặc dụng, tại khu vực nông thôn do Vườn Quốc gia P1 quản lý, có vị trí tọa độ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 337137 do UBND tỉnh K cấp cho Vườn Quốc gia Phú Quốc ngày 25/3/2022 (viết tắt là Giấy chứng nhận số DD 337137). Diện tích rừng bị chiếm là 205,8m². Hình thức chiếm đất để xây dựng 01 căn nhà có diện tích 121,8m² kết cấu: Móng xi măng lót gạch men, vách xây tường tô, mái lợp tol giả ngói, cổng nhà cột xi măng cốt thép ép gạch, phần diện tích 46,0m² san ủi đất trăn nền xi măng và diện tích 38,0m² xung quanh đất xây móng gạch ống, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Trong Biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm hành chính đã ký tên vào biên bản và đã nhận biên bản.

Ngày 19/7/2023, UBND xã G có tờ trình đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau khi xem xét vụ việc ngày 31/7/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4196 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L.

Phạt tiền: 6.000.000 đồng. Ông L đã nhận quyết định nhưng chưa thực hiện nộp phạt.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại phần diện tích 205,8m² đất theo biên bản kiểm tra, đo đạc ngày 03/7/2023 của UBND xã G theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; buộc ông L nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp có được do thực hiện

hành vi chiếm đất với số tiền 1.492.718 đồng, theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4196 là đúng quy định pháp luật:

- Về thẩm quyền ban hành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Về trình tự thủ tục ban hành là phù hợp theo quy định tại Điều 57, Điều 66 và Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Về mức phạt tiền đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ;

- Về biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp tại điểm a và điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác yêu cầu khởi kiện của ông L, giữ nguyên Quyết định số 4196.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vườn Quốc gia P trình bày ý kiến tại Văn bản số 172/VQG-DLST&CHSV ngày 08/4/2024 như sau:

Căn cứ Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 08/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên P, tỉnh Kiên Giang thành Vườn Quốc gia P (viết tắt là Quyết định số 91) và Quyết định số 48/2002/QĐ-UB ngày 08/7/2002 của UBND tỉnh K (viết tắt là Quyết định số 48) thì diện tích 205,8m² ông L đang chiếm nằm trong Vườn Quốc gia P tại Tiểu khu G thuộc Phân khu phục hồi sinh thái Vườn Quốc gia. Đến ngày 25/3/2022, UBND tỉnh K quyết định giao và cấp GCNQSDĐ cho Vườn Quốc gia Phú Quốc theo Quyết định số 794/QĐ-UBND thì diện tích đất 205,8m² mà ông L đang khởi kiện nằm trong Giấy chứng nhận số DD 337137 của Vườn Quốc gia P trên địa bàn xã G tại Tiểu khu F P khu P.

Việc ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4196 là không đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 4196 để thu hồi 205,8m² đất trả lại cho Vườn Quốc gia Phú Quốc quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 38, Điều 58, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 14, Điều 38, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc L về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4196/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2024, ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vũ Ngọc L không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông L: Thừa nhận có thực hiện các hành vi vi phạm như Biên bản vi phạm hành chính số 140. Tuy nhiên, ông L cho rằng diện tích đất mà ông xây dựng nhà do ông mua của ông T1 bằng giấy tay, trước đó ông T1 mua của bà T2. Căn cứ vào toạ độ được ghi trong Sơ đồ hiện trạng do Chi nhánh VPĐKKĐĐ Phú Quốc lập ngày 08/4/2024 thì phần đất của ông thuộc một phần trong tổng số 5.110m² đất mà bà T2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 2552/QĐ-UB ngày 30/7/2004 của UBND tỉnh K, không phải là đất thuộc Vườn Quốc gia P.; đồng thời ông L cũng xác định nếu đất của ông thuộc một phần đất của bà T2 như đã nêu thì cũng là đất thuộc Vườn Quốc gia P. Ông L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

2. Ông Hoàng: Kết quả đo đạc để xử lý vi phạm thể hiện diện tích đất mà ông L có hành vi vi phạm thuộc đất của Vườn Quốc gia P, nằm ngoài diện tích 5.110m² mà bà T2 đã bị thu hồi trước đây. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông L làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Ông L thừa nhận có hành vi vi phạm như Biên bản số 140; đồng thời các tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện diện tích đất này thuộc Vườn Quốc gia P nên Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định

số 4196 xử phạt ông L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Vũ Ngọc L làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND Đặc khu P tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố P; Vườn Quốc gia P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên những người này có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 4196 của Chủ tịch UBND thành phố P ban hành ngày 31/7/2023, có nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L. Đây là quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ông L nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định nêu trên vào ngày 12/8/2023. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông L và xét Quyết định số 4196, nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4196 là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại các khoản b, đ khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Về việc xác định hành vi vi phạm, vị trí đất vi phạm:

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 140 (bút lục số 49-50) thể hiện ông L có các hành vi như sau: Chiếm 205,8m² đất rừng đặc dụng thuộc Rừng Quốc gia P tại ấp G, xã G; xây dựng 01 căn nhà có diện tích 121,8m² có kết cấu móng ciment, lát gạch men, vách xây tường tô, mái lợp tole giả ngói, cổng bê tông cốt thép áp gạch; san ủi đất, tráng ciment 46m² phía sau; xây móng bằng gạch ống đối với 38m² đất xung quanh. Ông L có mặt khi lập biên bản và có ký vào biên bản này.

Tại Biên bản đo đạc kiểm tra hiện trạng ngày 03/7/2023 có mặt ông L, có chữ ký của ông L (bút lục số 77-78) thể hiện 205,8m² đất mà ông L có hành vi vi phạm có 04 mặt giáp Vườn Quốc gia P.

Tại Biên bản đo đạc xác định vị trí ngày 19/7/2023 (bút lục số 12-13) thể hiện diện tích đất mà ông L có hành vi vi phạm cách diện tích đất 5.110m² mà bà T2 có vi phạm và bị xử lý bởi Quyết định số 2552 là 20m.

Tại sơ đồ có trong Văn bản số 172/VQG-DLST&CHSV ngày 08/8/2024 của Vườn Quốc gia P1 thể hiện diện tích đất mà ông L có hành vi vi phạm là đất thuộc Vườn Quốc gia P.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định diện tích đất mà ông L có các hành vi vi phạm theo Biên bản vi phạm hành chính số 140 là đất thuộc Vườn Quốc gia P. Việc ông L cho rằng diện tích đất ông xây dựng nhà thuộc đất của bà T2 đã bị xử lý theo Quyết định số 2552 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2.2] Về hình thức xử phạt, mức xử phạt: Với các hành vi vi phạm nêu trên, Quyết định số 4196 xử phạt ông L 6.000.000 đồng, buộc ông L phải khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu trước khi vi phạm và nộp số tiền 1.492.718 đồng thu lợi bất hợp pháp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điểm a, b, d khoản 3, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, ông L không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông L phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các khoản b, đ khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào các điểm a, b, d khoản 3, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc L về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4196/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn), được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 6367 ngày 08/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa